

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/ 2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020.
Về việc: “T/c về Ly hôn;
Nuôi con; Cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sơn;
2. Bà Mai Hồng Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về ly hôn; Nuôi con; Cấp dưỡng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện T, An Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Chị Nguyễn Thị Đ sống chung với anh Huỳnh Văn N từ năm 2015, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H (giấy đăng ký kết hôn số 60 ngày 27/5/2015). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không chí thú làm ăn, thường xuyên rượu chè, chửi mắng và đánh vợ con,

thậm chí gia đình vợ khuyên can nhưng anh không nghe mà còn có thái độ hung hãn và khinh thường, nhiều lần lấy đồ đạc ném ra khỏi nhà và đuổi vợ con đi, đã yêu cầu viết đơn ly hôn nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhau. Vợ chồng chung sống có được 01 con chung tên Huỳnh T sinh ngày 15/12/2016, hiện đang sống chung với anh Huỳnh Văn N; Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn N; Về con chung chị đồng ý giao cháu Huỳnh T cho anh N nuôi dưỡng, chị không tranh chấp; Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

** Theo bản khai của bị đơn anh Huỳnh Văn N và lời khai tại phiên tòa có nội dung:* Anh Huỳnh Văn N thừa nhận có chung sống với chị Nguyễn Thị Đ từ năm 2015, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hanh như phía chị Nguyễn Thị Đ trình bày; Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Huỳnh T và hiện tại cháu đang sống chung với anh N. Thời gian trước đã có nhiều lỗi lầm, làm cho vợ và gia đình bên vợ phiền lòng và gây nhiều mâu thuẫn nhưng nay đã suy nghĩ lại mong vợ và cha mẹ vợ bỏ qua.

Nay vợ yêu cầu ly hôn thì anh Huỳnh Văn N không đồng ý, do vẫn còn thương vợ nên mong chị Nguyễn Thị Đ suy nghĩ lại hàn gắn chung sống; Về con chung thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản thì anh không tranh chấp hay ý kiến gì. Tại phiên tòa, anh Huỳnh Văn N đồng ý ly hôn, yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con và cấp dưỡng, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Đ đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với anh Huỳnh Văn N từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Đ xin được ly hôn với anh N. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh N

đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng phía nguyên đơn kiên quyết ly hôn và không muốn tiếp tục chung sống với anh N nữa và tại phiên tòa phía anh N đồng ý ly hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Văn N.

[3] *Về quan hệ con chung, cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Văn N đều thừa nhận có con chung tên Huỳnh T sinh ngày 15/12/2016 và giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện điều này, do đó cần công nhận cháu Nhân là con chung của chị Đ và anh N, đồng thời tại phiên tòa phía anh Huỳnh Văn N có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và được chị Đ tự nguyện chấp nhận. Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn N là được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh T. Ngoài ra, phía anh Huỳnh Văn N yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ nhưng phía chị Nguyễn Thị Đ không đồng ý và cho rằng nếu không có khả năng thì giao con cho chị nuôi sẽ không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” và mức tối thiểu không dưới 50% mức lương cơ bản, do đó yêu cầu cấp dưỡng của anh Huỳnh Văn N là có căn cứ nhưng với mức 1.500.000đ mỗi tháng là cao so với mức thu nhập hiện tại của chị Nguyễn Thị Đ nên chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Nguyễn Thị Đ có yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Văn N và cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đ là được ly hôn với anh Huỳnh Văn N. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60 do Ủy ban nhân dân xã H cấp ngày 27/5/2016 không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:*

+ Anh Huỳnh Văn N được nuôi dạy con chung tên Huỳnh T sinh ngày 15/12/2016 cho đến tuổi trưởng thành (cháu Nhân hiện sống chung với anh N). Chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Huỳnh Văn N mỗi tháng là 1.000.000đ; Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày 01/8/2020 đến khi cháu Huỳnh T trưởng thành.

+ Anh Huỳnh Văn N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

* *Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

* *Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000đ; đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0006959 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên chị Nguyễn Thị Đ phải tiếp tục nộp thêm số tiền 300.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Hanh
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

